

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015



---

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2015

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 14/04/2015)
Ông Phạm Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 14/04/2015)
Ông Lê Văn Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 14/04/2015)
Ông Hoàng Chí Thanh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 14/04/2015)

#### ***Ban Giám đốc***

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Thay mặt Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**



**Nguyễn Văn Hùng**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2015*





Số: HA -15/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập ngày 28/07/2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội giữ năm (05) bản. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

**Nghiêm Thị Thu Hiền**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1914-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>111.383.716.837</b>	<b>90.922.202.791</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1.</b>	<b>88.002.883.130</b>	<b>86.318.258.976</b>
1 Tiền	111		9.462.883.130	6.283.258.976
2 Các khoản tương đương tiền	112		78.540.000.000	80.035.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18.000.000.000</b>	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.2.	18.000.000.000	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.569.638.788</b>	<b>623.077.572</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3.	29.805.026	41.967.085
2 Trả trước cho người bán	132	VI.4.	3.075.793.762	156.070.487
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5.	464.040.000	425.040.000
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.014.194.135</b>	<b>1.633.058.618</b>
1 Hàng tồn kho	141	VI.6.	1.014.194.135	1.633.058.618
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>797.000.784</b>	<b>2.347.807.625</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.9.	592.970.835	937.403.032
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	770.143.110
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.12.	204.029.949	640.261.483
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>53.277.288.433</b>	<b>46.174.954.039</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.111.098.152</b>	<b>23.669.572.302</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7.	24.111.098.152	23.669.572.302
- Nguyên giá	222		45.537.490.911	43.569.436.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.426.392.759)	(19.899.864.064)
3 Tài sản cố định vô hình	227	VI.8.	-	-
- Nguyên giá	228		144.648.000	144.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(144.648.000)	(144.648.000)
<b>IV Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.2.	7.500.000.000	7.500.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.666.190.281</b>	<b>15.005.381.737</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9.	21.666.190.281	15.005.381.737
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>164.661.005.270</b>	<b>137.097.156.830</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

28/06/2015  
 TỶ HỮU ĐÌNH AN  
 TP

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015  
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>67.882.336.347</b>	<b>43.330.434.206</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.882.336.347</b>	<b>43.330.434.206</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10.	2.125.142.790	2.855.800.200
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.11.	1.526.304.618	804.827.180
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12.	5.446.860.345	2.019.731.978
4 Phải trả người lao động	314		1.212.089.116	3.027.995.059
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13.	968.301.300	139.760.900
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14.	55.510.919.695	34.481.499.940
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.092.718.483	818.949
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>96.778.668.923</b>	<b>93.766.722.624</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.15.	<b>96.778.668.923</b>	<b>93.766.722.624</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.230.000.000	31.230.000.000
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		49.098.479.690	40.555.103.065
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.450.189.233	21.981.619.559
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	421a		-	21.981.619.559
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		16.450.189.233	-
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>164.661.005.270</b>	<b>137.097.156.830</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Vũ Thị Kim Ngọc

Mai Thị Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02a - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1.	256.621.468.779	231.838.878.666
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		256.621.468.779	231.838.878.666
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2.	214.543.939.818	192.789.899.731
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.077.528.961	39.048.978.935
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3.	1.367.761.169	1.716.002.583
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	VII.6.	20.379.782.102	26.987.570.700
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6.	2.013.194.491	1.968.987.758
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		21.052.313.537	11.808.423.060
11 Thu nhập khác	31	VII.4.	37.672.659	30.305.000
12 Chi phí khác	32	VII.5.	-	1.006.266.361
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		37.672.659	(975.961.361)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.089.986.196	10.832.461.699
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8.	4.639.796.963	2.604.520.173
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.450.189.233	8.227.941.526
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25.	5.267	2.635

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Vũ Thị Kim Ngọc

Mai Thị Phương Liên

Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.089.986.196	10.832.461.699
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		1.526.528.695	1.890.689.569
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.367.761.169)	(1.716.002.583)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.248.753.722	11.007.148.685
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.740.186.572)	(599.374.239)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		618.864.483	482.157.422
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.937.662.048	13.496.326.893
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.316.376.347)	7.700.413.586
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.088.531.404)	(2.003.329.688)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.265.343.400)	(1.507.100.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		20.394.842.530	28.576.242.659
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.968.054.545)	(650.363.636)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	(6.700.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.367.761.169	1.716.002.583
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(18.600.293.376)	(5.634.361.053)
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(109.925.000)	(33.150.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(109.925.000)	(33.150.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		1.684.624.154	22.908.731.606
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		86.318.258.976	58.975.830.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	70	VL1.	88.002.883.130	81.884.562.187

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Vũ Thị Kim Ngọc

Mai Thị Phương Liên

Nguyễn Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014976, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Công ty đã có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102111943 đăng ký thay đổi lần 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/05/2015 (Cấp lại mã số DN từ Đăng ký kinh doanh số 0103014976 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2006) thì vốn điều lệ của Công ty là: **31.230.000.000 VND (Ba mươi một tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn)**.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HAT.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Trụ sở Công ty tại: Số 183 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh và cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kho tàng, bến bãi; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh phế liệu, phế phẩm sau quá trình sản xuất bia; Kinh doanh phụ phẩm trong sản xuất bia, bao gồm bã bia;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia- rượu- nước giải khát;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đâu;
- Sản xuất rượu vang; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân loại vào đâu, chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89

- Địa chỉ: xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 25%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 25%

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công ty không có các khoản mục tiền và tương đương tiền bằng ngoại tệ.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại thời điểm 30/06/2015, khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty không cần trích lập dự phòng giảm giá.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là các khoản phải thu hồi từ khách hàng và các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính mua bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 30/06/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

**5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	5
- Phương tiện vận tải	6
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Phần mềm máy tính	3

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí mua keg bia và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không thấp hơn giá trị phải thanh toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty không có các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí thuê văn phòng, kho bãi... phục vụ quá trình kinh doanh đã phát sinh nhưng thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên Hợp đồng kinh tế nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.HAT ngày 14/04/2015. Theo đó, mức chia cổ tức là 30% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển bằng 38,17%, quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 15% và quỹ thưởng ban điều hành, quỹ an sinh, thù lao HĐQT, BKS... bằng 2,74% lợi nhuận sau thuế.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa (bia hơi, bia chai...), cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập khác.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ tiền nhà cung cấp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và tiền khách hàng nộp phạt do chậm trả cước vỏ thùng bia..., được ghi nhận trên cơ sở biên bản làm việc và số tiền thực tế nhận được.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các sản phẩm bia lon, bia chai... và dịch vụ cho thuê kho bãi.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	6.977.224	8.946.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.455.905.906	6.274.312.863
Tiền VND	9.455.905.906	6.274.312.863
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	8.927.234.764	4.972.175.239
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai	37.067.873	9.375.710



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Ba Đình	70.047.981	7.944.501
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	389.010.183	1.281.459.495
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	32.545.105	3.357.918
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>78.540.000.000</b>	<b>80.035.000.000</b>
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	20.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Hoàng Mai	7.940.000.000	12.140.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Ba Đình	31.500.000.000	34.795.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	13.900.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	5.200.000.000	5.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>88.002.883.130</b>	<b>86.318.258.976</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.000.000.000	18.000.000.000		-	-	
a1) Ngân hạn	18.000.000.000	18.000.000.000		-	-	
- Tiền gửi có kỳ hạn	18.000.000.000	18.000.000.000		-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.000.000.000	3.000.000.000		-	-	
Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000		-	-	
b) Đầu tư góp vốn đơn vị khác	7.500.000.000	7.500.000.000	Dự phòng	7.500.000.000	7.500.000.000	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	7.500.000.000	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89	7.500.000.000	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-

- Tóm tắt tình hình hoạt động của liên kết trong kỳ: Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên kết lãi. Tại thời điểm 30/06/2015, tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của công ty liên kết thấp hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có nên không cần trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty liên kết trong kỳ: Trong kỳ, giá trị hàng công ty mua của Công ty liên kết là 5.455.015.200 đồng.

0224  
ING  
NHÌM  
SẢN VÀ  
ẾT N  
4Y - 5

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>29.805.026</b>	<b>41.967.085</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	-	12.162.059
Công ty TNHH Tân Linh Chi	8.689.067	8.689.067
Các khoản phải thu khách hàng khác	21.115.959	21.115.959
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco	-	12.162.059

**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH TM Vật tư và phụ gia công nghiệp	1.339.800.000	-
Tổng Công ty CP Bia rượu NGK Hà Nội	1.722.243.762	105.415.762
Các đối tượng khác	13.750.000	50.654.725
<b>Cộng</b>	<b>3.075.793.762</b>	<b>156.070.487</b>

**5. Phải thu khác**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>464.040.000</b>	<b>-</b>	<b>425.040.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	425.040.000	-	425.040.000	-
Tạm ứng	39.000.000	-	-	-
Vũ Đức Thắng	15.000.000	-	-	-
Nguyễn Thế Hùng	19.000.000	-	-	-
Nguyễn Minh Phương	5.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>464.040.000</b>	<b>-</b>	<b>425.040.000</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	892.942.815	-	1.293.070.042	-
Hàng hóa	121.251.320	-	339.988.576	-
<b>Cộng</b>	<b>1.014.194.135</b>	<b>-</b>	<b>1.633.058.618</b>	<b>-</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015  
đến ngày 30/06/2015**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2015	23.242.470.862	6.958.920.069	13.220.232.435	147.813.000		43.569.436.366
Mua trong kỳ	-	-	1.917.600.000	50.454.545		1.968.054.545
Số dư ngày 30/06/2015	23.242.470.862	6.958.920.069	15.137.832.435	198.267.545		45.537.490.911
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2015	4.867.721.045	6.660.177.973	8.236.277.052	135.687.994		19.899.864.064
Khấu hao trong kỳ	498.794.220	53.110.284	962.710.051	11.914.140		1.526.528.695
Số dư ngày 30/06/2015	5.366.515.265	6.713.288.257	9.198.987.103	147.602.134		21.426.392.759
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	18.374.749.817	298.742.096	4.983.955.383	12.125.006		23.669.572.302
Tại ngày 30/06/2015	17.875.955.597	245.631.812	5.938.845.332	50.665.411		24.111.098.152

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.396.673.336 VND

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Đơn vị tính: VND	
		Tổng cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2015	144.648.000	144.648.000	
Số dư ngày 30/06/2015	144.648.000	144.648.000	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2015	144.648.000	144.648.000	
Số dư ngày 30/06/2015	144.648.000	144.648.000	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	-	-	
Tại ngày 30/06/2015	-	-	
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 144.846.000 VND			

**9. Chi phí trả trước**

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	592.970.835	937.403.032
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	400.700.000	937.403.032
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	192.270.835	-
b) <b>Dài hạn</b>	21.666.190.281	15.005.381.737
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	14.532.413.900	7.605.357.533
Tiền thuê đất (*)	6.409.418.265	6.488.546.885
Chi phí trả trước dài hạn khác	724.358.116	911.477.319
<b>Cộng</b>	<b>22.259.161.116</b>	<b>15.942.784.769</b>

(\*) Tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 28/HDTD ngày 31/7/2008 và Phụ lục số 01/PLHD-HT ngày 18/01/2010, thời gian thuê là 46 năm.

**10. Phải trả người bán**

	Đơn vị tính: VND			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển vận tải	36.750.000	36.750.000	-	-
Công ty CP Quốc tế Sen Việt	145.080.430	145.080.430	140.041.000	140.041.000
Công ty CPTM Bia Hà Nội Hưng Yên 89	1.633.508.360	1.633.508.360	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám,  
Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH Đầu tư và SX Đại Việt	60.500.000	60.500.000	311.300.000	311.300.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Đại An - Safeguards	25.344.000	25.344.000	-	-
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	11.660.000	11.660.000	-	-
Công ty TNHH SX và Thương Mại Duyên Hải	212.300.000	212.300.000	310.200.000	310.200.000
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Thái Tân	-	-	2.094.259.200	2.094.259.200
<b>Cộng</b>	<b>2.125.142.790</b>	<b>2.125.142.790</b>	<b>2.855.800.200</b>	<b>2.855.800.200</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty CPTM Bia Hà Nội Hưng Yên 89	1.633.508.360	1.633.508.360	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.633.508.360</b>	<b>1.633.508.360</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo tàng Hồ Chí Minh	102.999.820	-
Bùi Thị Bích	154.499.730	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Minh Thành	92.157.911	499.387.065
Công ty CP Minh Thành An- Chi nhánh Hà Nội	18.539.968	-
Công ty TNHH Lê Phú Gia Cát	103.003.618	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Bens	103.358.807	357.828
Công ty TNHH MTV Hùng Vinh	61.028.424	102.377.651
Các đối tượng khác	890.716.340	202.704.636
<b>Cộng</b>	<b>1.526.304.618</b>	<b>804.827.180</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2015
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	-	1.339.412.170	463.549.362	875.862.808
Thuế TNDN	2.019.731.978	4.639.796.963	2.088.531.404	4.570.997.537
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.019.731.978</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.446.860.345</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	640.261.483	444.287.784	8.056.250	204.029.949
<b>Cộng</b>	<b>640.261.483</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>204.029.949</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

13. Chi phí phải trả	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>968.301.300</b>	<b>139.760.900</b>
Chi phí kiểm toán trích trước	-	27.500.000
Trích trước chi phí bảo vệ	-	17.856.000
Trích trước chi phí thuê văn phòng, kho bãi	865.824.000	-
Các chi phí trích trước khác	102.477.300	94.404.900
<b>Cộng</b>	<b>968.301.300</b>	<b>139.760.900</b>
14. Phải trả khác	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>55.510.919.695</b>	<b>34.481.499.940</b>
Kinh phí công đoàn	145.791.556	201.891.556
Bảo hiểm xã hội	14.015.489	3.878.252
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.395.041.687	31.666.250.387
<i>Nguyễn Hồng Hà</i>	2.582.500.000	-
<i>Vũ Hữu Đình</i>	1.635.000.000	412.500.000
<i>Bảo tàng Hồ Chí Minh</i>	1.282.500.000	1.320.000.000
<i>Võ Văn Thang</i>	1.175.000.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Minh Thành</i>	1.025.000.000	775.000.000
<i>Bùi Thị Bích</i>	850.000.000	-
<i>Công ty CP D&amp;Q</i>	850.000.000	1.400.000.000
<i>Hoàng Quốc Cường</i>	825.000.000	700.000.000
<i>Nguyễn Thị Nga</i>	722.500.000	310.000.000
<i>Nguyễn Văn Tình</i>	700.000.000	575.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	31.747.541.687	26.173.750.387
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.271.958.743	2.012.883.743
Các khoản phải trả khác	684.112.220	596.596.002
<b>Cộng</b>	<b>55.510.919.695</b>	<b>34.481.499.940</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**15. Vốn chủ sở hữu**

**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư ngày 01/01/2014	31.230.000.000	13.831.657.814	45.061.657.814
Lãi trong năm trước	-	22.381.619.559	22.381.619.559
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	(14.231.657.814)	(14.231.657.814)
Số dư ngày 01/01/2015	31.230.000.000	21.981.619.559	53.211.619.559
Lãi trong kỳ này	-	16.450.189.233	16.450.189.233
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	(21.981.619.559)	(21.981.619.559)
Số dư ngày 30/06/2015	31.230.000.000	16.450.189.233	47.680.189.233

**15.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	18.738.000.000	18.738.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.492.000.000	12.492.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.230.000.000</b>	<b>31.230.000.000</b>

**15.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	31.230.000.000	31.230.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	31.230.000.000	31.230.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>9.369.000.000</b>	<b>6.246.000.000</b>

**15.4 Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.000	3.123.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.123.000	3.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**15.5 Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:  
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa  
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:  
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

**15.6 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2015
Quỹ đầu tư phát triển	40.555.103.065	8.543.376.625	-	49.098.479.690
<b>Cộng</b>	<b>40.555.103.065</b>	<b>8.543.376.625</b>	<b>-</b>	<b>49.098.479.690</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hoá	222.101.975.191	200.764.772.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.519.493.588	31.074.106.004
<b>Cộng</b>	<b>256.621.468.779</b>	<b>231.838.878.666</b>
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	864.900.840	-
Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	1.859.742.103	-
<b>Cộng</b>	<b>2.724.642.943</b>	<b>-</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
	đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	214.087.576.596	192.333.536.509
Giá vốn cung cấp dịch vụ	456.363.222	456.363.222
<b>Cộng</b>	<b>214.543.939.818</b>	<b>192.789.899.731</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.367.761.169	1.716.002.583
<b>Cộng</b>	<b>1.367.761.169</b>	<b>1.716.002.583</b>
4. Thu nhập khác	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Thu từ tiền phạt, bồi thường	19.985.000	-
Thu từ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	17.687.659	-
Thu nhập khác	-	30.305.000
<b>Cộng</b>	<b>37.672.659</b>	<b>30.305.000</b>
5. Chi phí khác	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Các khoản phạt	-	1.006.266.361
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.006.266.361</b>
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>	<b>2.013.194.491</b>	<b>1.968.987.758</b>
Chi phí nhân viên quản lý	680.160.000	607.200.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	76.161.818	77.333.206
Chi phí khấu hao TSCĐ	401.354.659	244.804.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.071.236	588.663.390
Chi phí bằng tiền khác	407.446.778	450.987.078
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>20.379.782.102</b>	<b>26.987.570.700</b>
Chi phí nhân viên	5.147.752.496	4.974.677.357
Chi phí vật liệu, bao bì	1.143.661.425	1.394.559.631
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.773.664.051	7.551.994.514
Chi phí khấu hao TSCĐ	668.810.814	1.189.522.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.405.893.316	11.876.816.935
Chi phí bằng tiền khác	240.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.392.976.593</b>	<b>28.956.558.458</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.143.661.425	1.416.132.813
Chi phí nhân công	5.827.912.496	5.581.877.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.526.528.695	1.890.689.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.703.790.421	20.073.234.863
Chi phí khác bằng tiền	647.446.778	450.987.078
<b>Cộng</b>	<b>22.849.339.815</b>	<b>29.412.921.680</b>
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	258.026.902.607	233.585.186.249
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	236.936.916.411	222.752.724.550
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	21.089.986.196	10.832.461.699
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán	-	1.006.266.361
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	21.089.986.196	11.838.728.060
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.639.796.963	2.604.520.173
9. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.450.189.233	8.227.941.526
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.450.189.233	8.227.941.526
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.123.000	3.123.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.267	2.635



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**IX. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**2. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.002.883.130	86.318.258.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.845.026	467.007.085
Các khoản đầu tư tài chính	25.500.000.000	7.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.996.728.156</b>	<b>94.285.266.061</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	57.636.062.485	37.337.300.140
Chi phí phải trả	968.301.300	139.760.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.604.363.785</b>	<b>37.477.061.040</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2015 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	57.636.062.485	-	57.636.062.485
Chi phí phải trả	968.301.300	-	968.301.300

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	37.337.300.140	-	37.337.300.140
Chi phí phải trả	139.760.900	-	139.760.900

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.002.883.130	-	88.002.883.130
Phải thu khách hàng và phải thu khác	493.845.026	-	493.845.026
Các khoản đầu tư tài chính	18.000.000.000	7.500.000.000	25.500.000.000

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.318.258.976	-	86.318.258.976
Phải thu khách hàng và phải thu khác	467.007.085	-	467.007.085
Các khoản đầu tư tài chính	-	7.500.000.000	7.500.000.000

**3. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội Hưng Yên 89	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Cùng chủ sở hữu

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ với Công ty</i>	<i>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND</i>
<b>Mua hàng</b>		<b>210.625.213.540</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	205.142.213.640
Công ty CP TM Bia Hà Nội Hưng Yên 89	Công ty liên kết	5.455.015.200
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Cùng chủ sở hữu	27.984.700
<b>Bán hàng</b>		<b>2.724.642.943</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	864.900.840
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Cùng chủ sở hữu	1.859.742.103

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<i>Số dư với các bên liên quan</i>		30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>		-	12.162.059
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	Cùng chủ sở hữu	-	12.162.059
<b>Trả trước cho người bán</b>		1.722.243.762	105.415.762
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	1.722.243.762	105.415.762
<b>Phải trả người bán</b>		1.633.508.360	-
Công ty CP TM Bia Hà Nội Hưng Yên 89	Công ty liên kết	1.633.508.360	-

*Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương	402.400.000
Tiền thưởng	954.886.800
<b>Cộng</b>	<b>1.357.286.800</b>

**4. Thông tin so sánh**

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải thu khác	-	425.040.000	425.040.000
Tài sản ngắn hạn khác	425.040.000	-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI**

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Ngọc

Kế toán trưởng



Mai Thị Phương Liên

Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng